TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-03-2022
"V/v Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Duyên Văn Hiền

Ông: Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Ánh H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rỏ ly do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 1980 bà H và ông L kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống giữa bà H và ông L có 05 con chung nay đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông L thường nhậu nhẹt về chưởi vợ con và đập đồ trong nhà, đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông L không sửa, vợ chồng sống ly thân khoản 4-5 năm nay không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông L. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Thừa nhận năm kết hôn và có 5 người con như bà H trình bày là đúng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án xem xét. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong quá trình chung sống vợ tôi có đánh bài ăn tiền tôi không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cải nhau và thậm chí chưởi mắn lẫn nhau và tôi có đập cửa nhà một lần. Vợ chồng sống ly thân khoản 4 năm. Nay tôi không đồng ý ly hôn.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn "* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông L chung sống với nhau từ năm 1980, không đăng ký kết hôn, tuy nhiên thời điểm này chưa có Luật hôn nhân gia đình nên không bắt buộc vợ chồng chung sống với nhau phải đi dăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà H và ông L được xác định là hôn nhân thực tế, nên được pháp luật bảo vệ như những người có đăng ký kết hôn là phù hợp Nghị Quyết 35/2000 ngày 9.6.2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT, ngày 03.01.2001. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng: Nguyên đơn cho rằng bị đơn thường xuyên nhậu về chưởi vợ con và đập đồ trong nhà, có khuyên ngăn nhưng vợ không nghe và vợ chồng sống ly thân khoản 4-5

năm không có thiện chí hàn gắn trở lại. Đối với bị đơn cho rằng vợ thường xuyên đánh bài ăn tiền, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau và xuất phạm lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân khoản 4 năm. Nay không đồng ý ly hôn. Xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống cùng với nhau; nhưng bà H và ông L không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà H đã xác định không thể hàn gắn được vợ chồng đã ly thân thời gian khá dài khoản 4 -5 năm nay, cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại và nhiều lần vợ chồng cự cải có lần đánh nhau và xuất phạm lẫn nhau. Hơn nữa tòa án đã triệu tập ông L để xét xử nhưng ông L vắng mặt không rỏ lý do, như vậy xác định ông L không quan tâm đếm mối quan hệ vợ chồng với bà H. Tại phiên tòa bà H cương quyết ly hôn với ông L nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* các con của bà H và ông L đã trưởng thành, nên không xem xét.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét phần tài sản chung và nợ chung.

[8] *Xét về án phí:* Bà H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 35/2000 ngày 9.6.2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT của TANDTC, VKSNDTC, BTP ngày 03.01.2001; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Ánh H và ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Ánh H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004371 ngày 20/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyến kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
-UBND xã Phong Điền, huyện Thới Bình
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung